

Số: /QĐ- SGTVT

Thái Nguyên, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Sở Giao thông vận tải đã phân bổ cho các đơn vị

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 601/QĐ-SGTVT ngày 11/11/2024 của Sở Giao thông vận tải về việc giao dự toán chi bổ sung ngân sách nhà nước năm 2024 cho Văn phòng Sở Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Sở Giao thông vận tải đã phân bổ cho các đơn vị như sau:

- Số liệu theo phụ biểu công khai kèm theo.
- Hình thức công khai: Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở GTVT.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở và Trưởng các phòng nghiệp vụ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính TN;
 - Trang thông tin điện tử Sở GTVT;
 - Lưu: VT, KHTC.
- (Thaoth/T11/2024)

GIÁM ĐỐC

Phạm Quang Anh

Phụ biểu
Công khai bổ sung dự toán ngân sách nhà nước
năm 2024 của Sở Giao thông vận tải đã phân bổ cho các đơn vị
Mã chương: 421

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGTVT ngày /11/2024 của Sở Giao thông vận tải)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó		
				Văn phòng Sở	Thanh tra Sở	Trạm kiểm tra tải trọng xe
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí					
1	Lệ phí					
2	Phí					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1	Lệ phí					
2	Phí					
B	Dự toán chi NSNN	9.000	9.000	9.000		
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.000	9.000	9.000		
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó		
				Văn phòng Sở	Thanh tra Sở	Trạm Kiểm tra tải trọng xe
6	Chi hoạt động kinh tế	9.000	9.000	9.000		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.000	9.000	9.000		
	<i>Sửa chữa đột xuất các tuyến đường</i>	<i>9.000</i>	<i>9.000</i>	<i>9.000</i>		
II	Nguồn vốn viện trợ					
III	Nguồn vốn vay nợ nước ngoài					